

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 450/2018/HC-PT

Ngày: 09-5-2018

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính về giải quyết khiếu nại trong
lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, giải phóng
mặt bằng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thụy Vi

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Bích Thủy
Ông Nguyễn Minh Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Trần Hồng Long – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 18 tháng 4 năm 2018 và ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại
trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ
án hành chính thụ lý số: 12/2017/TLPT-HC ngày 01 tháng 3 năm 2017 về việc
“Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực bồi
thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2016/HC-ST ngày 28 tháng 12 năm
2016 của Tòa án nhân dân Quận H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1349/2018/QĐ-PT
ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Tường Q, sinh năm 1976

Trú tại: Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đỗ Hiền N– Luật sư Công
ty Luật TNHH ND thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Bà Phan Thị Minh L, sinh năm 1975 – Trưởng Phòng Tiếp công dân - Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận H, trú tại Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Trần Cảnh P, sinh năm 1976 – Phó Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận H, trú tại Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân phường A, Quận H.

Địa chỉ: Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H – Cán bộ Địa chính – Xây dựng phường A là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường A, trú tại Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền lập ngày 31/3/2016).

- Bà Vũ Thị Kim A, sinh năm 1957

Trú tại: Hoa Kỳ.

- Ông Vũ Chiến B, sinh năm 1966

Trú tại: Hoa Kỳ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1966 là người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Chiến B, trú tại Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số công chứng 32858 lập ngày 23/10/2015 tại Phòng Công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ông Trần Tường Q sinh năm 1976

Trú tại: Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Ông Trần Tường Q – Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện ông Trần Tường Q trình bày:

Nhà, đất tại địa chỉ 31/7 khu phố 1, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của di ông là bà Vũ Thị Kim A mua lại của bà Vương T vào năm 1976. Sau khi mua nhà, bà Vũ Thị H (mẹ bà Vũ Thị Kim A), bà Vũ Thị Kim A, ông Vũ Hải Lâm S, ông Vũ Chiến B, ông Vũ Tiến Đ, ông Trần Tường Q và ông Trần Tường Q (anh em sinh đôi với ông Trần Tường Q) cùng sinh sống trong căn nhà trên. Sau đó, bà H, bà Kim A, ông S, ông B và ông Đ lần lượt xuất cảnh và định cư ở nước ngoài. Người xuất cảnh cuối cùng trong hộ là ông Vũ Chiến B (xuất cảnh năm 2001).

Sau khi ông Vũ Chiến B xuất cảnh, chỉ còn ông và ông Trần Tường Q tiếp tục quản lý và sống tại căn nhà trên đến ngày bị giải tỏa. Khi được cơ quan Nhà nước thông báo nhà, đất của gia đình ông nằm trong khu vực giải tỏa, ông đã tiến hành kê khai, lập hồ sơ di dời theo quy định và được Ủy ban nhân dân Quận H lập hồ sơ và chi trả tiền bồi thường cho ông. Tuy nhiên đến lần nhận tiền đợt 3 vào năm 2009 theo Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 21/01/2009 của

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Vũ Chiến B từ nước ngoài trở về Việt Nam và có đơn khiếu nại Ủy ban nhân dân Quận H với nội dung: Nhà và đất tại Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông, việc Ủy ban nhân dân Quận H giải quyết đền bù cho ông Trần Tường Q là không đúng. Ông Vũ Chiến B đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H thu hồi và hủy bỏ các quyết định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư đã ban hành đứng tên ông Trần Tường Q và yêu cầu được bồi thường theo quy định.

Ngày 31/7/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 4781/QĐ-UBND-TTr về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Vũ Chiến B với nội dung:

“Điều chỉnh Quyết định số 428/QĐ-UB ngày 28/01/2005 từ ông Trần Tường Q thành ông Vũ Chiến B. Thu hồi và hủy bỏ các Quyết định số 3908/QĐ-UBND ngày 15/11/2006; Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 29/5/2007 và Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 09/3/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H.

Công nhận nội dung đơn của ông Vũ Chiến B khiếu nại yêu cầu thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 09/3/2009 và các quyết định có liên quan của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về bồi thường, hỗ trợ bổ sung, bố trí tái định cư thuộc Khu đô thị mới T và giải quyết bồi thường cho ông Vũ Chiến B.

Giao Hội đồng bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư Khu đô thị mới T chiết tính bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư phần nhà, đất số 31/7 khu phố 1, phường A, Quận H cho ông Vũ Chiến B theo quy định.

Quyết định này thay thế Quyết định số 9062/QĐ-UBND-TTr ngày 23/6/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H”.

Sau khi nghiên cứu toàn bộ nội dung Quyết định số 4781/QĐ-UBND-TTr ngày 31/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H, ông cho rằng việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H chấp nhận khiếu nại của ông Vũ Chiến B là không đúng quy định của pháp luật vì ông và em ông (ông Trần Tường Q) là người sinh sống tại căn nhà trên từ lúc mới được sinh ra (năm 1976) đến ngày nhà đất bị giải tỏa nhưng chính quyền lại không bảo vệ quyền lợi cho anh em ông mà lại bảo vệ quyền lợi cho người không phải là chủ tài sản, không phải là người trực tiếp quản lý tài sản tại thời điểm giải tỏa, một người đang định cư ở nước ngoài là không đúng. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, Ủy ban nhân dân Quận H cũng không mời ông và ông Trần Tường Q tham gia đối thoại.

Từ những lý do trên, ông yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4781/QĐ-UBND-TTr ngày 31/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Vũ Chiến B.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H trình bày:

- Về nguồn gốc pháp lý nhà đất:

Nguồn gốc đất do bà Vương T sử dụng trước năm 1975 và xây dựng trước năm 1975. Năm 1976 bán lại cho bà Vũ Thị Kim A theo đăng ký chỉ thị 299/TTg đứng tên bà Vũ Thị H. Ngày 31/7/1992, bà H xuất cảnh, lập cam kết không làm chủ bất động sản, lúc đó bà Vũ Thị Kim A là chủ nhà và là chủ hộ. Năm 1998 bà A xuất cảnh giao lại cho ông Vũ Chiến B làm chủ hộ và chủ nhà. Năm 1996 Vũ Hải Lâm S và Vũ Tiến Đ xuất cảnh ông B vẫn là chủ hộ và chủ nhà, sau đó Vũ Chiến B xuất cảnh để lại cho ông Trần Tường Q là chủ nhà và chủ sử dụng cho đến nay.

Ngày 28/01/2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 428/QĐ-UB về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng cho ông Trần Tường Q với số tiền là 1.258.289.680 đồng (*Một tỷ, hai trăm năm mươi tám triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*).

Ngày 15/11/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 3908/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 28/01/2005 với số tiền là 1.256.789.680 đồng (*điều chỉnh tiền hỗ trợ điện thoại*) (*Ông Trần Tường Q đã nhận số tiền trên và tiền thưởng vào ngày 31/01/2005 với số tiền là 880.802.776 đồng và ngày 28/02/2005 với số tiền 380.986.904 đồng*).

Ngày 29/5/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 3729/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung đối với hộ ông Trần Tường Q với số tiền là 683.192.600 đồng. (*Ông Trần Tường Q đã nhận số tiền trên vào ngày 02/10/2007*).

Ngày 09/3/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 1677/QĐ-UBND về hỗ trợ bổ sung từ chính sách tái định cư đối với hộ ông Trần Tường Q với số tiền là 2.611.177.800 đồng.

Ngày 13/04/2009, Tòa án nhân dân Quận H có Công văn số 60/2009/TAQ2 yêu cầu tạm ngưng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với phần nhà, đất tại Phường A, Quận H. Do đó, số tiền 2.611.177.800 đồng tạm thời chưa chi trả cho người dân.

Ngày 23/6/2009, Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 9062/QĐ-UBND-TTr về giải quyết đơn khiếu nại của ông Vũ Chiến B với nội dung:

“Công nhận nội dung đơn của ông Vũ Chiến B khiếu nại yêu cầu thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 09/3/2009 và các quyết định có liên quan của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về bồi thường, hỗ trợ bổ sung, bố trí tái định cư thuộc Khu đô thị mới T đối với ông Trần Tường Q và đề nghị xem xét giải quyết bồi thường cho ông B.

Nay thu hồi và hủy bỏ các Quyết định số 428/QĐ-UB ngày 28/01/2005; Quyết định số 3908/QĐ-UBND ngày 15/11/2006 về điều chỉnh Quyết định số 428/QĐ-UB ngày 28/01/2005; Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 29/5/2007 và Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 09/3/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H.

Giao Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng Khu đô thị mới T chiết tính bồi thường, hỗ trợ thiệt hại căn nhà Phường A, Quận H cho ông Vũ Chiến B theo quy định”.

Ngày 31/7/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 4781/QĐ-UBND-TTr về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Vũ Chiến B với nội dung:

“Điều chỉnh Quyết định số 428/QĐ-UB ngày 28/01/2005 từ ông Trần Tường Q thành ông Vũ Chiến B. Thu hồi và hủy bỏ các Quyết định số 3908/QĐ-UBND ngày 15/11/2006; Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 29/5/2007 và Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 09/3/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H.

Công nhận nội dung đơn của ông Vũ Chiến B khiếu nại yêu cầu thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 09/3/2009 và các quyết định có liên quan của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về bồi thường, hỗ trợ bổ sung, bố trí tái định cư thuộc Khu đô thị mới T và giải quyết bồi thường cho ông Vũ Chiến B.

Giao Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư Khu đô thị mới T chiết tính bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư phần nhà, đất Phường A, Quận H cho ông Vũ Chiến B theo đúng quy định của chính sách.

Quyết định này thay thế Quyết định số 9062/QĐ-UBND-TTr ngày 23/6/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H”.

Không đồng ý, ông Trần Tường Q khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận H.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân Quận H.

- Về căn cứ pháp lý:

Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003.

Ngày 04/6/1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 367/TTg về phê duyệt quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới T.

Ngày 10/5/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 1997/QĐ-UB về việc thu hồi và giao 6.214.328 m² đất để xây dựng Khu đô thị mới T. Theo đó, vị trí, ranh giới khu đất thu hồi được xác định tại Bản đồ hiện trạng vị trí số 02/BB-BQL do Công ty Đo đạc Địa chính và Công trình lập và Sở Địa chính – Nhà đất duyệt ngày 03 tháng 5 năm 2002.

- Về áp dụng chính sách:

Căn cứ Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và các văn bản liên quan trong từng thời điểm - Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành các quyết định thực hiện chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và trong quá trình thực hiện luôn chú trọng xem xét yêu cầu thực tiễn để điều chỉnh, bổ sung, hỗ trợ nhằm giúp người dân nằm trong phạm vi giải tỏa di dời ổn định đời sống, đẩy nhanh tiến độ thu hồi mặt bằng. Cụ thể bằng các quyết định:

- Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư.

- Quyết định số 773/QĐ-UB ngày 26/02/2003 về phê duyệt đơn giá đất ở để tính đền bù, hỗ trợ thiệt hại.

- Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21 tháng 11 năm 2002.

- Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 21/01/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 và Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006.

- Về trình tự, thủ tục: Nội dung thu hồi đất đã thực hiện đúng với Luật Đất đai năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 1998 và năm 2001; Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính Phủ.

- Về nội dung yêu cầu của người khởi kiện:

Việc ông Trần Tường Q yêu cầu hủy Quyết định số 4781/QĐ-UBND-TTtr ngày 31/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H để giải quyết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư căn nhà Phường A, Quận H cho ông là không có cơ sở bởi lẽ:

Năm 1992, bà Vũ Thị H (mẹ của bà Vũ Thị Kim A và ông Vũ Chiến B) có lập Tờ cam kết không làm chủ bất động sản đối với căn nhà Xã A, huyện T (nay là Phường A, Quận H) trước khi xuất cảnh đi Mỹ; đồng thời cam kết căn nhà trên là của bà Vũ Thị Kim A có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A và phòng Công nghiệp huyện T (nay là Ủy ban nhân dân Phường A, Quận H).

Năm 1996, ông Vũ Hải Lâm S (là anh của ông B) lập Tờ cam kết không làm chủ bất động sản và Tường trình cam kết không làm chủ bất động sản đối với căn nhà xã A, huyện T (nay là Phường A, Quận H) trước khi xuất cảnh đi Mỹ; đồng thời cam kết căn nhà trên là do ông Vũ Chiến B đứng tên chủ hộ có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã X (nay là Ủy ban nhân dân Phường A, Quận H).

Năm 1998, bà Vũ Thị Kim A có đơn xin xác nhận chữ ký cam kết giao nhượng lại cho ông Vũ Chiến B quản lý đối với căn nhà Phường A, Quận H trước khi xuất cảnh đi Mỹ có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân phường A.

Năm 1999, ông Vũ Chiến B có kê khai đăng ký nhà, đất theo Quyết định 3376/QĐ-UBND ngày 11/6/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố H đối với phần nhà, đất tại Phường A, Quận H với diện tích khuôn viên 778m², diện tích xây dựng 66m².

Về phía ông Trần Tường Q không cung cấp được giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh việc ông Vũ Chiến B tặng, cho, giao lại căn nhà tại Phường A, Quận H cho ông sử dụng. Kê khai đăng ký nhà, đất theo Quyết định 3376/QĐ-UBND ngày 11/6/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố ông Q không kê khai mà thực tế do ông B kê khai. Theo Tờ tường trình nguồn gốc nhà đất ngày 19/02/2003 của ông Q có thể hiện: “*Tháng 4/2000, Vũ Chiến B đi xuất cảnh để lại cho Trần Tường Q làm chủ nhà và chủ hộ sử dụng đến nay*” được

Ủy ban nhân dân phường A xác nhận ngày 24/11/2003 là không chính xác bởi ông Vũ Chiến B xuất cảnh đi Mỹ vào tháng 7/2001.

Về tình trạng cư trú: Ngày 24/5/1999, Công an Quận H xác nhận: “*Trần Tường Q, sinh năm 1976 là chủ hộ*” là không phù hợp bởi đối chiếu sổ hộ khẩu gia đình số 150045514 thể hiện năm 1995, ông Vũ Chiến B là chủ hộ căn nhà xã A, huyện T (nay là Phường A, Quận H) đến khi xuất cảnh đi Mỹ vào ngày 09/7/2001.

Theo quy định tại Khoản 6, Khoản 7, Điều 1 Bản quy định về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch Khu đô thị mới T và các khu phục vụ tái định cư tại Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh kèm theo Quyết định 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố, có nêu:

“Điều 1. Các điều kiện để được bồi thường thiệt hại về đất :

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất (sau đây gọi chung là người sử dụng đất) bị Nhà nước thu hồi đất được bồi thường thiệt hại về đất đang sử dụng phải có một trong các điều kiện theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ. Cụ thể là:

6. Trường hợp không có các giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này, người bị thu hồi đất được bồi thường thiệt hại phải có các giấy tờ chứng minh được đất bị thu hồi là đất đã sử dụng ổn định trước 15 tháng 10 năm 1993 và không tranh chấp, thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đất đã sử dụng trước ngày 08 tháng 01 năm 1988 được Ủy ban nhân dân phường, xã xác nhận.

b) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà người được giao đất vẫn tiếp tục sử dụng đất từ đó đến ngày bị thu hồi.

c) Có giấy tờ hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất, mà người đó vẫn sử dụng liên tục từ khi được cấp đến ngày đất bị thu hồi.

d) Có giấy tờ mua, bán đất trước ngày 18/12/1980 hoặc có giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong thời gian từ 18/12/1980 đến 15/10/1993 của người sử dụng đất hợp pháp được Ủy ban nhân dân phường, xã xác nhận.

đ) Có giấy tờ mua, bán nhà và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 được Ủy ban nhân dân phường, xã xác nhận.

e) Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời do Ủy ban nhân dân thành phố cấp hoặc Ủy ban nhân dân quận, huyện, Sở Địa chính cấp theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc có tên trong sổ địa chính nay vẫn tiếp tục sử dụng.

7. Người chuyển nhượng, chuyển đổi, thừa kế, tặng, cho quyền sử dụng đất hoặc nhà gắn liền với quyền sử dụng đất mà đất đó của người sử dụng thuộc đối tượng có đủ một trong các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này nhưng chưa làm thủ tục sang tên trước bạ”.

Đối chiếu với các điều kiện để được bồi thường về nhà đất nêu trên, thì trường hợp của ông Trần Tường Q không thỏa điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ đối với phần nhà đất tại Phường A, Quận H.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H giữ nguyên Quyết định số 4781/QĐ-UBND-TTr ngày 31/7/2013 về giải quyết đơn khiếu nại của ông Vũ Chiến B. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tường Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường A có ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ủy ban nhân dân phường A đã có xác nhận pháp lý đối với nhà, đất tại Phường A, Quận H. Ủy ban nhân dân phường vẫn giữ nguyên nội dung xác nhận pháp lý đã xác nhận. Ủy ban nhân dân phường không có ý kiến đối với Quyết định số 4781/QĐ-UBND-TTr ngày 31/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tường Q, Ủy ban nhân dân phường A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Kim A trình bày:

Nhà, đất tại Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của bà do bà mua lại của bà Vương T vào năm 1976. Sống tại căn nhà trên có bà Vũ Thị H (mẹ của bà), bà, ông Vũ Hải Lâm S, ông Vũ Chiến B (anh em của bà), và các cháu là Vũ Tiến Đ, Trần Tường Q và Trần Tường Q (Trần Tường Q và Trần Tường Q là anh em sinh đôi). Bà Vũ Thị H đã đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg. Mẹ của bà, các anh em của bà lần lượt xuất cảnh và định cư ở nước ngoài. Sống tại căn nhà trên chỉ còn 2 người cháu tên Trần Tường Q và Trần Tường Q. Nhà, đất nằm trong khu quy hoạch giải tỏa, được sự đồng ý của bà (giấy ủy quyền lập ngày 23/4/2009 và văn bản thỏa thuận ngày 18/5/2009), Trần Tường Q đã tiến hành đăng ký kê khai và được chính quyền Quận H ban hành Quyết định số 428/QĐ-UB ngày 28/01/2005, Quyết định số 3908/QĐ-UBND ngày 15/11/2006, Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 29/5/2007, Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 09/3/2009 về việc đền bù, giải tỏa đối với nhà, đất tại Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh và Trần Tường Q đã nhận được số tiền đền bù giải tỏa theo quy định, sau mỗi lần nhận được tiền, Trần Tường Q đều chuyển qua cho bà như đã thỏa thuận. Tuy nhiên đến khi chuẩn bị nhận đợt tiền tiếp theo thì ông Vũ Chiến B từ nước ngoài trở về Việt Nam tranh chấp. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H đã ký ban hành Quyết định số 4781/QĐ-UBND-TTr ngày 31/7/2013 về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Chiến B với nội dung:

“Điều chỉnh Quyết định số 428/QĐ-UB ngày 28/01/2005 từ ông Trần Tường Q thành ông Vũ Chiến B. Thu hồi và hủy bỏ các Quyết định số 3908/QĐ-UBND ngày 15/11/2006; Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 29/5/2007 và Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 09/3/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H.

Công nhận nội dung đơn của ông Vũ Chiến B khiếu nại yêu cầu thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 09/3/2009 và các quyết định có

liên quan của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về bồi thường, hỗ trợ bổ sung, bố trí tái định cư thuộc Khu đô thị mới T và giải quyết bồi thường cho ông Vũ Chiến B.

Giao Hội đồng bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư Khu đô thị mới Thủ Thiêm chiết tính bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư phần nhà, đất tại Phường A, Quận H cho ông Vũ Chiến B theo quy định.

Quyết định này thay thế Quyết định số 9062/QĐ-UBND-TTr của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H”.

Sau khi bà được Trần Tường Q thông báo về việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 4781/QĐ-UBND-TTr ngày 31/7/2013 có nội dung như đã nêu trên, bà thấy đúng ra trước khi cơ quan chức năng cũng như người có thẩm quyền trước khi xem xét ban hành quyết định phải tiến hành đối thoại với những người có quyền lợi liên quan đối với tài sản trên như bà, ông Trần Tường Q, ông Trần Tường Q. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định có nội dung chấp nhận khiếu nại của một người không phải là chủ tài sản, không quản lý trực tiếp tài sản đó tại thời điểm giải tỏa, không phải là công dân Việt Nam? Việc làm trên của chính quyền Quận H đã vi phạm Luật khiếu nại của chính phủ Việt Nam, trực tiếp làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của công dân Việt Nam mà đáng lẽ ra người này phải được chính quyền Việt Nam bảo vệ. Nhà, đất tại Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của bà và chưa có văn bản nào có nội dung từ bỏ quyền sở hữu của bà đối với tài sản ấy. Ông Vũ Chiến B chỉ là người quản lý, sử dụng khi còn sống tại Việt Nam. Ông B đi định cư ở nước ngoài, người quản lý và sử dụng nhà đất nêu trên là ông Trần Tường Q và ông Trần Tường Q. Do đó, việc chính quyền hỗ trợ đền bù giải tỏa tái định cư cho ông Trần Tường Q là hoàn toàn đúng pháp luật. Nay chính quyền Quận H có Quyết định số 4781/QĐ-UBND-TTr ngày 31/7/2013 có nội dung thu hồi quyền được nhận đền bù giải tỏa tái định cư đối với ông Trần Tường Q và giao quyền ấy cho ông Vũ Chiến B là hoàn toàn trái với chính sách tái định cư của nhà nước Việt Nam, với tư cách là chủ tài sản, bà không đồng ý. Bà yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 4781/QĐ-UBND-TTr ngày 31/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về giải quyết đơn khiếu nại của ông Vũ Chiến B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Chiến B có ông Phạm Văn V là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Vũ Chiến B nhất trí với nội dung cũng như yêu cầu của người đại diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H, ông Vũ Chiến B không trình bày hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tường Q trình bày:

Ông nhất trí với nội dung cũng như yêu cầu mà ông Trần Tường Q đã trình bày, ông không có yêu cầu gì khác.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 38/2016/HC-ST ngày 28/12/2016 của Tòa án nhân dân Quận H quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện ông Trần Tường Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Vũ Thị Kim A về yêu cầu hủy Quyết định số 4781/QĐ-UBND-TTr ngày 31/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về giải quyết khiếu nại của ông Vũ Chiến B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11 tháng 01 năm 2017, ông Trần Tường Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm và hủy Quyết định số 4781/QĐ-UBND-TTr ngày 31/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện ông Trần Tường Q vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy Quyết định hành chính số 4781/QĐ-UBND-TTr ngày 31/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày ý kiến: Luật Quốc tịch năm 1988 công nhận công dân Việt Nam chỉ có 1 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam ,vì vậy khi đi xuất cảnh công dân Việt Nam phải từ bỏ quốc tịch, từ bỏ tài sản. Bà Kim A xuất cảnh năm 1998 nên phải làm thủ tục cho ông B đứng tên dùm căn nhà tại Phường A, Quận H. Luật Quốc tịch năm 1998 có hiệu lực ngày 01/01/1999 có sửa đổi không buộc công dân Việt Nam chỉ có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam vì vậy khi ông B đi xuất cảnh không phải làm thủ tục từ chối tài sản. Khi giải tỏa bồi thường nhà, ông B có biết và có làm ủy quyền cho ông Trần Tường Q toàn quyền quyết định đối với căn nhà tại Phường A, Quận H. Ngày 27/4/2009 ông B có đơn khiếu nại, ngày 23/6/2009, Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 9062/QĐ-UBND-TTr về giải quyết đơn khiếu nại của ông Vũ Chiến B. Trong đơn khiếu nại ông B xác định ông là chủ hộ, chứ không xác định là chủ nhà và không đề cập đến trị giá nhà. Bà Kim A vẫn chưa nhận được quyết định giải quyết khiếu nại. Ông B đã fax cam kết ủy quyền cho ông Q toàn quyền quyết định. Vì vậy đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy một phần bản án sơ thẩm, xử hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4781/QĐ-UBND-TTr ngày 31/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông Trần Tường Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Chiến B có ông Phạm Văn V đại diện trình bày: Ông B không ủy quyền giao nhà cho ông Q, giấy ủy quyền không có bản chính, ông B là người xây dựng, sửa chữa nhà và đăng ký nhà đất vào năm 1999, ông B là chủ sở hữu căn nhà tại Phường A, Quận H, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông Trần Tường Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình

+ Về nội dung: căn nhà tại Phường A, Quận H là tài sản của bà Vũ Thị Kim A mua lại của bà Vương T vào năm 1976 bà Vũ Thị H đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg. Căn nhà trên có bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Kim A, ông Vũ Chiến B, ông Vũ Hải Lâm S, ông Vũ Tiến Đ, ông Trần Tường Q và ông Trần Tường Q sinh sống. Bà Vũ Thị H xuất cảnh năm 1992, ông Vũ Hải Lâm S, ông Vũ Tiến Đ xuất cảnh năm 1996, bà Kim A xuất cảnh năm 1998, ông Vũ Chiến B xuất cảnh năm 2001. Nhà và đất trên do ông Trần Tường Q và ông Trần Tường Q quản lý sử dụng. Nhà, đất trên chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất và thuộc diện giải tỏa quy hoạch Khu đô thị mới T. Căn cứ Tờ cam kết không làm chủ bất động sản do bà H lập ngày 31/7/1992 có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận H thể hiện bà H thừa nhận căn nhà tại Phường A, Quận H là nhà của bà Vũ Thị Kim A. Căn cứ văn bản xác nhận chữ ký của bà Vũ Thị Kim A ngày 04/3/1998 thể hiện bà Kim A giao nhượng căn nhà tại Phường A, Quận H cho ông Vũ Chiến B. Ông Vũ Hải Lâm S, ông Vũ Tiến Đ xuất cảnh năm 1996 làm tờ cam kết không làm chủ bất động sản, cam kết căn nhà tại Phường A, Quận H do ông Vũ Chiến B cho ở nhờ. Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ không thể hiện việc ông Trần Tường Q là chủ sở hữu căn nhà. Căn cứ Khoản 6 Điều 1 quy định kèm theo Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Vũ Chiến B là người đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ đối với phần nhà, đất tại Phường A, Quận H. Do đó Quyết định số 4781/QĐ-UBND-TTr ngày 31/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận h chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông B là có sở. Vì vậy Tòa án nhân dân Quận H xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tường Q là có căn cứ. Do đó xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Tường Q là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Trần Tường Q làm trong thời hạn luật định nên chấp nhận.

Về sự vắng mặt của đương sự: Người bị kiện, ông Trần Cảnh P là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Kim A, ông Trần Tường Q, ông Nguyễn Văn H là

người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban Phường A, Quận H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 158, Khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và ông Trần Cảnh P.

Về nội dung: Ông Trần Tường Q kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xử hủy Quyết định hành chính số 4781/QĐ-UBND-TTr ngày 31/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về giải quyết đơn khiếu nại của ông Vũ Chiến B. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Tường Q, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thẩm quyền và trình tự ban hành quyết định:

Căn nhà tại Phường A, Quận H nằm trong khu vực quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới T

Ngày 28/01/2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 428/QĐ-UB về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng cho ông Trần Tường Q với số tiền là 1.258.289.680 đồng (*Một tỷ, hai trăm năm mươi tám triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*)

Ngày 15/11/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 3908/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 28/01/2005 với số tiền là 1.256.789.680 đồng (điều chỉnh tiền hỗ trợ điện thoại) (*Ông Trần Tường Q đã nhận số tiền trên và tiền thưởng vào ngày 31/01/2005 với số tiền là 880.802.776 đồng và ngày 28/02/2005 với số tiền 380.986.904 đồng*)

Ngày 29/5/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 3729/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung đối với hộ ông Trần Tường Q với số tiền là 683.192.600 đồng. (*Ông Trần Tường Q đã nhận số tiền trên vào ngày 02/10/2007*)

Ngày 09/3/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 1677/QĐ-UBND về hỗ trợ bổ sung từ chính sách tái định cư đối với hộ ông Trần Tường Q với số tiền là 2.611.177.800 đồng

Ngày 27/4/2009 ông Vũ Chiến B có đơn khiếu nại các quyết định trên về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho ông Trần Tường Q

Ngày 23/6/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 9062/QĐ-UBND-TTr về giải quyết đơn khiếu nại của ông Vũ Chiến B

Ngày 31/7/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 4781/QĐ-UBND-TTr về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Vũ Chiến B (thay thế Quyết định số 9062/QĐ-UBND-TTr ngày 23/6/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H)

Xét việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH 13 ngày 11 tháng 11 năm 2011, trình tự, thủ tục ban hành quyết định được thực hiện đúng quy định tại các Điều 27, 28, 29, 30 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH 13 ngày 11 tháng 11 năm 2011

Về nội dung quyết định:

Ngày 31/7/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 4781/QĐ-UBND-TTr về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Vũ Chiến B với nội dung:

“Điều chỉnh Quyết định số 428/QĐ-UB ngày 28/01/2005 từ ông Trần Tường Q thành ông Vũ Chiến B. Thu hồi và hủy bỏ các Quyết định số 3908/QĐ-UBND ngày 15/11/2006; Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 29/5/2007 và Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 09/3/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H.

Công nhận nội dung đơn của ông Vũ Chiến B khiếu nại yêu cầu thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 09/3/2009 và các quyết định có liên quan của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về bồi thường, hỗ trợ bổ sung, bố trí tái định cư thuộc Khu đô thị mới T và giải quyết bồi thường cho ông Vũ Chiến B.

Giao Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư Khu đô thị mới T chiết tính bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư phân nhà, đất tại Phường A, Quận H cho ông Vũ Chiến B theo đúng quy định của chính sách.

Quyết định này thay thế Quyết định số 9062/QĐ-UBND-TTr ngày 23/6/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H”

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện thì nhà đất tại Phường A, Quận H có nguồn gốc là của bà Vương T bán lại cho bà Vũ Thị Kim A vào năm 1976. Bà Vũ Thị H là mẹ bà Kim A đăng ký Chỉ thị 299/TTg. Năm 1992 bà Vũ Thị H xuất cảnh và có làm tờ cam kết không làm chủ bất động sản ghi ngày 31/7/1992 trong tờ cam kết này có ghi nội dung căn nhà số 31/7 xã A là của bà Vũ Thị Kim A. Ngoài ra trong đơn tường trình nguồn gốc căn nhà ghi ngày 01/7/1996 ông Vũ Chiến B xác nhận căn nhà trên có nguồn gốc là của bà Vũ Thị Kim A. Như vậy có cơ sở xác định căn nhà tại Xã A, huyện T (nay là Phường A, Quận H) có nguồn gốc do bà Vũ Thị Kim A tạo lập

Năm 1998, bà Vũ Thị Kim A có đơn xin xác nhận chữ ký cam kết giao nhượng lại cho ông Vũ Chiến B quản lý đối với căn nhà tại Phường A, Quận H trước khi xuất cảnh đi Mỹ có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân phường A. Trong nội dung đơn có ghi nội dung giao nhượng nhà cho Vũ Chiến B. Đồng thời tại đơn kiên nghị ngày 08/4/2018 bà Vũ Thị Kim A trình bày: khi bà đi xuất cảnh vào năm 1998, lúc này do Luật Quốc tịch năm 1988 còn hiệu lực và quy định: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chỉ công nhận công dân Việt Nam có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam”. Do vậy năm 1998 bà Kim A muốn định cư tại Mỹ phải từ bỏ quốc tịch Việt Nam cũng như từ bỏ quyền sở hữu bất động sản là tại Phường A, Quận H, nhưng thực tế bà chỉ cho ông B đứng tên dùm và ông B cũng chưa thanh toán giá trị nhà cho bà. Như vậy bà Kim A đã xác định khi bà đi xuất cảnh, bà đã từ bỏ quyền sở hữu tài sản, giao nhượng lại cho ông B căn nhà TẠI Phường A, Quận H. Xét bà Kim A đã giao nhượng tài sản cho ông B, nên ông B là chủ căn nhà căn nhà tại Phường A, Quận H. Thực tế ông B đăng ký hộ khẩu thường trú tại căn nhà trên từ năm 1995

và đứng tên chủ hộ, ông B cư ngụ tại đó cho đến khi đi xuất cảnh vào năm 2001, năm 1999 ông Vũ Chiến B là người đứng tên kê khai nhà đất theo Quyết định số 3376/QĐ-UB ngày 11/6/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố H. Căn cứ theo quy định tại Khoản 6, Khoản 7, Điều 1 Bản quy định về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch Khu đô thị mới T và các khu phục vụ tái định cư tại Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh kèm theo Quyết định 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thì ông Vũ Chiến B có đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ đối với phần nhà đất tại Phường A, Quận H. Vì vậy việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 4781/QĐ-UBND-TTr ngày 31/7/2013 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Vũ Chiến B, với nội dung chấp nhận khiếu nại của ông Vũ Chiến B là đúng quy định của pháp luật, án sơ thẩm xử bác yêu cầu của ông Trần Tường Q về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4781/QĐ-UBND-TTr ngày 31/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H là có căn cứ

Đối với ý kiến của bà Kim A là ông B chưa thanh toán trị giá nhà cho bà, việc này bà Kim A có quyền khởi kiện ông B để đòi ông B thanh toán trị giá nhà cho bà bằng một vụ án dân sự khác khi bà có yêu cầu. Về ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện, cho rằng ông B có làm ủy quyền cho ông Q được toàn quyền quyết định đối với căn nhà tại Phường A, Quận H, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung ủy quyền được ghi nhận trên bản fax, ông V là người được ông B ủy quyền không thừa nhận việc ông B ủy quyền cho ông Q, ông Trần Tường Q xác nhận không có bản chính giấy ủy quyền, do bản fax có ghi nội dung ủy quyền là bản photo, nên không giá trị là chứng cứ để xem xét

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Trần Tường Q là không có cơ sở chấp nhận, nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Giữ nguyên án phí hành chính sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Trần Tường Q nộp đơn kháng cáo vào ngày 11/01/2017, theo quy định tại Điều 47 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì từ ngày 01/01/2017 mức tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm thông báo cho ông Trần Tường Q nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 200.000 đồng là chưa đúng, cần rút kinh nghiệm. Do giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm nên ông Trần Tường Q phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm có ra thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp đối với ông Trần Tường Q để tổng đạt văn bản ủy thác cho bà Vũ Thị Kim A. Sau khi ông Trần Tường Q nộp chi phí ủy thác, Tòa án đã nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của bà Vũ Thị Kim A, nên Tòa án cấp phúc thẩm đã không thực hiện việc ủy thác tư pháp vì vậy hoàn trả lại phí ủy thác tư pháp cho ông Trần Tường Q.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 37 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử:

Bác yêu cầu kháng cáo của ông Trần Tường Q, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2016/HC-ST ngày 28/12/2016 của Tòa án nhân dân Quận H

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Tường Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Vũ Thị Kim A về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4781/QĐ-UBND-TTr ngày 31/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về giải quyết đơn khiếu nại của ông Vũ Chiến B.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Tường Q phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Bà Vũ Thị Kim A phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AG/2011/03506 ngày 03/9/2013 và biên lai số AG/2011/04773 ngày 13/11/2014 của Chi cục thi hành án dân sự Quận H. Ông Trần Tường Q và bà Vũ Thị Kim A đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Tường Q phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AE/2014/0004727 ngày 11/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H. Ông Trần Tường Q còn phải nộp thêm 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Hoàn trả 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp cho ông Trần Tường Q theo biên lai số 0006603 ngày 12/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận H;
- Cục THADS TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thụy Vi